

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 164/2021/DS-PT  
Ngày: 19 – 11 - 2021  
V/v tranh chấp đòi lại tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Lâm Triệu Hữu**

*Các Thẩm phán:* Bà **Nguyễn Thị Kim Chi**

Ông **Vương Minh Tâm**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Nguyễn Thị Ngọc Vệ** - Thư ký Tòa án

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long:** Ông **Phan Thanh Hào** -  
Kiểm sát viên tham gia phiên tòa

Ngày 19 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 98/2021/TLPT-DS ngày 29 tháng 6 năm 2021, về việc “*Đòi lại tài sản*”

Do bản án dân sự sơ thẩm số 25/2021/DS-ST ngày 18/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 122/2021/QĐPT-DS ngày 29 tháng 6 năm 2021, các Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử do yêu cầu phòng chống dịch bệnh covid-19 và Thông báo về việc tiếp tục phiên tòa số 129/TB-DSPT ngày 27 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà **Giang Ngọc Nh**, sinh năm 1949: có mặt

Địa chỉ: số 85/86 (68), Phạm Ng L, khu vực 4, phường Th, quận N, thành phố Cần Thơ.

*Người đại diện hợp pháp:* Chị **Nguyễn Hoàng Y**, sinh năm 1985, con gái bà Nh, ngụ cùng địa chỉ là người đại diện theo ủy quyền tại phiên tòa: có mặt.

**- Bị đơn:** Anh **Nguyễn Thanh S**, sinh năm 1973: có mặt

Địa chỉ: tổ 09, ấp Th1, xã Th2, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Ông **Trương Ngọc S1**, Luật

sư của Văn phòng Luật sư Ngọc S1 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Vĩnh Long: có mặt.

*Người làm chứng:*

1. Anh **Nguyễn Hồng S**, sinh năm 1976: vắng mặt

Địa chỉ: số 379/1, ấp Tân L, xã Phong H, huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp

2. Chị **Nguyễn Thị U**, sinh năm 1969: có mặt

Địa chỉ: tổ 10, ấp Thành Q, xã Thành Tr, huyện B, tỉnh Vĩnh Long

3. Anh **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1976: vắng mặt

Địa chỉ: ấp Tân L, xã Tân Th, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

*Người kháng cáo:* Bị đơn, anh Nguyễn Thanh S.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Giang Ngọc Nh trình bày:* Vào tháng 02/2020, con gái bà Nh tên Nguyễn Hoàng Y có quen biết và dự định kết hôn với bị đơn là anh Nguyễn Thanh S nên đầu tháng 9/2020, khi anh S gặp bà Nh để nói chuyện về bản thân mình lúc trước làm ăn và trồng khoai lang mua thiếu một số cửa hàng bán vật tư nông nghiệp thua lỗ có nợ bên ngoài một khoản tiền nên đã hỏi vay bà Nh để trả nợ, đồng thời nhờ bà Nh đến các cửa hàng vật tư nông nghiệp và người cho thuê đất trồng khoai lang mà S đang còn thiếu tiền mua phân, thuốc thiếu để trả thay cho S. Bị đơn hứa sẽ trả lại số tiền cho bà Nh ngay sau khi thu hoạch vụ khoai lang sắp tới. Nghĩ sắp là người một nhà, cũng là chồng của con gái nên bà Nh đồng ý cho S mượn và thay S trả tiền đến các cửa hàng vật tư nông nghiệp và người cho thuê đất trồng khoai. Cụ thể:

Ngày 7/8/2020, bà Nh cùng con gái và S đến nhà của ông Nguyễn Văn Tr, địa chỉ: tổ 9, ấp Th1, xã Th2, B, Vĩnh Long trả tiền thuê đất trồng khoai lang thay cho S số tiền 60.000.000 đồng.

Ngày 7/9/2020, anh S chở bà Nh đến đại lý Vật tư nông nghiệp Hồng S, địa chỉ: số 379/1 ấp Tân L, xã Phong H, huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp để trả số tiền mua vật tư số tiền 100.000.000 đồng.

Sau đó, anh S chở bà Nh đến cửa hàng vật tư nông nghiệp Nhật Th, địa chỉ khóm Thành Q, thị trấn Tân Q, huyện B, Vĩnh Long để trả số tiền mua phân, thuốc 20.000.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền mà anh Nguyễn Thanh S đã vay của bà Nh là 180.000.000 đồng. Nay bà Giang Ngọc Nh yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Nguyễn Thanh S có trách nhiệm trả lại số tiền 180.000.000 đồng. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

*Tại bản khai ngày 05 tháng 5 năm 2021 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Nguyễn Thanh S trình bày:* Giữa anh S và bà Nh có quan hệ như nguyên đơn trình bày. Sau khi bán khoai lang được 295.200.000 đồng và nói đi trả tiền thuê đất, tiền vật tư nông nghiệp thì bà Nh đề nghị đi cùng để xin các chủ nợ bớt chút đỉnh nên anh S đồng ý. Sau đó, anh S đưa cho bà Nh số tiền 295.200.000 đồng và chở bà Nh đi trả tiền cho anh Nguyễn Văn Tr 60.000.000 đồng; Cửa hàng Vật tư nông nghiệp Nhật Th 20.000.000 đồng; Đại lý Vật tư nông nghiệp Hồng S 100.000.000 đồng, tổng cộng 180.000.000 đồng. Anh S thừa nhận số tiền 180.000.000 đồng là bà Nh trả cho các chủ nợ nhưng đó là tiền bán khoai lang của anh S chỉ đưa bà Nh giữ nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện.

*Tại bản án dân sự sơ thẩm số 25/2021/DS-ST ngày 18/5/2021, Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:*

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; Điều 92, 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 166, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí lệ phí Tòa án kèm theo danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Giang Ngọc Nh.

- Buộc anh Nguyễn Thanh S trả cho bà Giang Ngọc Nh số tiền là 180.000.000 đồng (một trăm tám mươi triệu đồng) là hoàn tất.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của nguyên đơn, người có nghĩa vụ thi hành án chậm thi hành thì hàng tháng phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

- Về lãi: bà Giang Ngọc Nh không yêu cầu tính lãi. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc anh Nguyễn Thanh S phải nộp 9.000.000 đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn quyết định về quyền và nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Tại đơn kháng cáo ngày 26 tháng 5 năm 2021, bị đơn là anh Nguyễn Thanh S trình bày:* Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết theo hướng sửa bản án dân sự sơ thẩm, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Lý do: Bản án sơ thẩm số 25/2021/DS-ST ngày 18/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện B giải

quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chưa đúng sự thật khách quan, gây thiệt thòi cho quyền lợi hợp pháp của anh S. Bởi vì nguồn gốc số tiền có để trả cho các chủ nợ là do bán khoai, được anh Nguyễn Văn D là người mua khoai xác nhận thanh toán 295.200.000 đồng. Sau khi anh Dũng trả tiền mua khoai, anh S mới chở bà Nh đi theo trả nợ chứ không phải mượn tiền của bà Nh vì bà đi theo là để xin bớt tiền và sự thật cũng xin bớt được một số tiền. Ngược lại, bà Nh nói bán vàng cho mượn tiền (đến hơn 300.000.000 đồng) là hoàn toàn bịa đặt, không có chứng cứ chứng minh. Các biên nhận bà Nh dùng để khởi kiện là không đủ cơ sở chứng minh anh S có mượn số tiền 180.000.000 đồng.

Tài liệu, chứng cứ bổ sung chứng minh yêu cầu theo đơn kháng cáo: không có

*Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn trình bày:* Vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Lý do: Số tiền 180.000.000 đồng theo yêu cầu khởi kiện thuộc sở hữu của cá nhân bà Nh cho anh S mượn vì tin tưởng anh S và con gái bà Nh sẽ thành hôn nên khi biết anh S nợ tiền đã trả thay vì sợ mất mặt gia đình, nhưng sau đó, biết được anh S đã không thành thật trong quan hệ tình cảm và tài sản với con gái nên bà Nh yêu cầu buộc bị đơn phải trả lại số tiền 180.000.000 đồng đã trả nợ thay cho anh S.

*Bị đơn có kháng cáo trình bày:* Vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị sửa án sơ thẩm, không buộc anh S có nghĩa vụ trả tiền do chứng cứ của nguyên đơn không đảm bảo, thực chất số tiền theo yêu cầu khởi kiện là tiền cá nhân của anh S, bà Nh chỉ là người đi theo giúp nói chủ nợ giảm tiền. Anh S thừa nhận nội dung sự việc như án sơ thẩm nêu là đúng. Biên nhận của đại lý Hồng S là do ông Hồng S viết và không khiếu nại về chứng cứ đối với 03 biên nhận do bà Nh giao nộp tại tòa và không có chứng cứ chứng minh đã giao tiền cho bà Nh giữ. Lý giải về nguồn gốc số tiền 180.000.000 đồng, anh S xác định thuộc số tiền bán khoai 295.200.000 đồng nhưng thay đổi lời khai, cho rằng chỉ gửi gia đình bà Nh giữ 01 đêm, sáng ra lấy lại mang theo để trong cốp xe, đến chủ nợ nào thì lấy ra đúng số tiền nợ để trả. Bà Nh chỉ cầm giúp trả một lần số tiền 20.000.000 đồng, cả 02 lần còn lại có biên nhận và các lần khác sau đó đều do anh S trả.

*Người làm chứng, chị Nguyễn Thị U trình bày:* Ngày trả tiền có bà Nh và con gái cùng đi với anh S nhưng anh S là người trực tiếp trả tiền. Tại thời điểm trả tiền, khoai lang đang có giá cao nhưng chị U tự nguyện bớt tiền thuê đất 20.000.000 đồng, chỉ nhận 60.000.000 đồng, chứ không phải do bà Nh hay anh S đề nghị. Biên nhận là được

lập sau đó do bà Nh yêu cầu, chị U có ký tên của chồng trong biên nhận do bà Nh cung cấp.

*Trong phần tranh tụng, các đương sự thống nhất và không thống nhất các vấn đề như sau:*

*Vấn đề thống nhất:* Số tiền 180.000.000 đồng tranh chấp theo biên nhận do bà Nh cung cấp phù hợp số tiền do anh S còn nợ vật tư nông nghiệp và thuê đất. Tại thời điểm trả tiền, bà Nh và anh S cùng đi chung xe do anh S chở. Các biên nhận của chủ nợ là do bà Nh yêu cầu viết sau khi đã trả tiền. Giữa anh S và con của bà Nh là chị Y có dự định kết hôn nhưng sau đó, phát sinh tranh chấp nên không thành hôn.

*Vấn đề không thống nhất:* Bà Nh xác định số tiền 180.000.000 đồng là tiền cá nhân có được do bán vàng và tiền cá nhân nhận lương hưu giáo viên tích lũy, dự định cho anh S mượn (vay không có lãi) vì nghĩa anh S sẽ trở thành con rể của bà Nh. Tuy nhiên, anh S trình bày đây là tiền của cá nhân do thu hoạch khoai lang có được, chỉ nhờ bà Nh cầm giúp để trả cho chủ nợ vật tư nông nghiệp sau khi vừa thu hoạch khoai xong.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị:* Yêu cầu khởi kiện của bà Nh là không có căn cứ, kháng cáo của anh S là có cơ sở nên đề nghị chấp nhận kháng cáo.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu:* Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng theo quy định của pháp luật. Các đương sự và người tham gia tố tụng khác chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Xét đơn kháng cáo của anh S là không có căn cứ để chấp nhận. Bởi lẽ, anh S cho rằng mình đã đưa cho bà Nh số tiền 295.200.000 đồng để trả tiền thuê đất và vật tư nông nghiệp nhưng bà Nh không thừa nhận và anh S cũng không có chứng cứ để chứng minh cơ việc đưa tiền của mình. Mặt khác, anh S thừa nhận bà Nh là người trực tiếp trả tiền cho nên anh S phải có trách nhiệm trả cho bà Nh số tiền 180.000.000 đồng.

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Thanh S.
- Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ngoài ra, vị kiểm sát viên còn đề nghị về án phí phúc thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án cấp phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của anh Nguyễn Thanh S đúng theo quy định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về nội dung kháng cáo của anh Nguyễn Thanh S không thừa nhận bà Giang Ngọc Nh là chủ sở hữu số tiền tranh chấp 180.000.000 đồng.

Xét thấy, theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đương sự phản bác phải chứng minh cho yêu cầu phản bác là có căn cứ. Anh S chỉ phản bác cho rằng đã giao tiền cho bà Nh thay anh quản lý nhưng ngoài lời trình bày không được bà Nh thừa nhận, anh S không có chứng cứ chứng minh. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Nguyễn Thanh S thay đổi lời khai về người giữ tiền và trực tiếp trả tiền nhưng lại thừa nhận biên nhận 100.000.000 đồng do bà Nh cung cấp là do ông Hồng S viết, 02 biên nhận còn lại với số tiền 80.000.000 đồng, anh S không phản đối. Tổng số tiền 180.000.000 đồng do bà Nh trình bày chi trả thay là phù hợp các biên nhận do bà Nh cung cấp. Người làm chứng tại phiên tòa trình bày không đúng nội dung đã tự khai được xác nhận ngày 23/4/2021 (BL56) về người đã thương lượng việc giảm tiền *“...Tiền thuê đất của anh S tổng cộng là 80.000.000 đồng/20 công, bà Nh lên tiếng kêu trả đất không cho S canh tác, rồi bà Nh năn nỉ tôi- Nguyễn Thị U bớt 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), ...”*. Do vậy, cấp sơ thẩm xác định chủ sở hữu thông qua việc thực hiện quyền chiếm hữu, sử dụng, định đoạt trên thực tế như nhận định tại mục [3] là có căn cứ.

[2.2] Về nghĩa vụ tài sản.

Xét quan hệ giữa các đương sự tại thời điểm trước và sau khi phát sinh tranh chấp thể hiện, bà Nh thực hiện việc trả tiền là thực hiện nghĩa vụ có điều kiện vì lợi ích của bị đơn do giữa anh S và con gái bà Nh có quan hệ tình cảm, dự định tiến tới hôn nhân nhưng không thành. Do vậy, bà Nh có quyền đòi lại tài sản và anh S có nghĩa vụ trả tại số tiền do bà Nh đã trả thay là phù hợp quy định tại các điều 166, 274, 280, 284 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[2.3] Về yêu cầu kháng cáo không đồng ý trả tiền.

Trong giai phúc thẩm, anh S cũng không cung cấp được giấy tờ, tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo cũng như không được phía nguyên đơn thừa nhận. Do vậy, nội dung kháng cáo này cũng không được chấp nhận.

[3] Về án phí phúc thẩm: Anh Nguyễn Thanh S phải nộp án phí theo quy định tại Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận.

[4] Các quyết định khác của án sơ thẩm về tiền lãi, án phí sơ thẩm, quyền, nghĩa vụ thi hành án không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị. Với nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn Nguyễn Thanh S như nhận định của đại diện Viện kiểm sát và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận toàn bộ đơn kháng cáo của anh Nguyễn Thanh S. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 25/2021/DS-ST ngày 18/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; Điều 92, 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các điều 166, 274, 280, 284, 357, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26, Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí lệ phí Tòa án kèm theo danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Giang Hồng Nh.

Buộc anh Nguyễn Thanh S có nghĩa vụ trả cho bà Giang Ngọc Nh số tiền 180.000.000 đồng (một trăm tám mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi xửa số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Các quyết định khác của án sơ thẩm về tiền lãi, án phí dân sự sơ thẩm, quyền, nghĩa vụ thi hành án không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Buộc anh Nguyễn Thanh S phải nộp: 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo

biên lai thu số 0011951 ngày 26/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, anh S đã nộp đủ.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao tại Tp.HCM;
- Chánh án;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND H. B;
- VKSND H. B;
- CCTHADS H. B;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Lâm Triệu Hữu**